TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73A/2019/DS-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Việt
2. Ông Huỳnh Văn Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2019/ TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Địa chỉ:, Phường 8, Quận 3, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T– Chi nhánh B – Phòng giao dịch M. Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Châu N. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch M.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; Bà Phạm Thị P, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã P, huyện M, tỉnh B;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989; Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 10/10/2019. Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2019 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Ngô Châu N trình bày: Vào ngày 28/4/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T– Phòng Giao dịch M ký kết Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1611900210 cho ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi heo, thời hạn vay 48 tháng với mức lãi suất 11,5%/năm, Thời điểm trả hết nợ là ngày 28/4/2020. Phương thức trả nợ vốn gốc được chia thành nhiều kỳ hạn trả nợ; lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph đã trả được số tiền gốc là 217.500.000 đồng và 28.699.101 đồng tiền lãi tính đến 28/3/2019. Từ ngày 28/4/2019 ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bị đơn trả nợ. Tính đến thời điểm xét xử, ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph còn nợ Ngân hàng số tiền là 100.274.809 đồng (trong đó vốn trong hạn là 37.500.000 đồng, vốn quá hạn là 45.000.000 đồng, lãi trong hạn là 5.467.174 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 2.806.908 đồng đối với khoản vay; đối với thẻ tín dụng vốn gốc là 8.754.284 đồng, lãi là 746.443 đồng). Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bị đơn có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1611900210, ngày 28/4/2016 để thế chấp 02 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 8, diện tích 949,5m^2, mục đích sử dụng: trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Ph, xã P, huyện M, tỉnh B được UBND huyện M cấp số CH00984 ngày 25/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph; Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.635,5m^2, mục đích sử dụng: trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Ph, xã P, huyện M, tỉnh B được UBND huyện M cấp số CH00525 ngày 18/7/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph. Tài sản thế chấp được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất huyện M, tỉnh B theo đúng quy định pháp luật. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph liên đới trả số tiền 100.274.809 đồng cho Ngân hàng, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày tiếp theo ngày 29/10/2019 đến khi trả tất nợ theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1611900210, ngày 28/4/2016 mà ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Ph đã ký để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số LD1611900210, ngày 28/4/2016.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông đồng ý cùng vợ là Phạm Thị Ph hoàn trả số tiền cho Ngân hàng là 98.863.520 đồng và đồng ý trả lãi cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng (tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2019).

Bị đơn bà Phạm Thị Ph, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt vào các lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Châu N, các bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Ph, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn liên đới trả số tiền nợ thông qua hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Các bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện M, tỉnh B nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Châu N có đơn xin giải quyết vắng mặt; Các bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Ph; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét hợp đồng tín dụng số LD1611900210, ngày 28/4/2016 được giao kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T– Phòng Giao dịch M với ông Nguyễn Văn Svà bà Phạm Thị Ph thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 217.500.000 đồng và 28.699.101 đồng tiền lãi và kể từ ngày 28/4/2019 đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện các bị đơn đã không thanh toán tiếp số nợ còn lại khi đến hạn cho Ngân hàng. Như vậy các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T– Phòng Giao dịch M yêu cầu các bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.274.809 đồng (trong đó vốn trong hạn là 37.500.000 đồng, vốn quá hạn là 45.000.000 đồng, lãi trong hạn là 5.467.174 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 2.806.908 đồng đối với khoản vay; đối với thẻ tín dụng vốn gốc là 8.754.284 đồng, lãi là 746.443 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Xét về Hợp đồng đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1611900210, ngày 28/4/2016 giữa Ngân hàng và các bị đơn được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực, theo đó các bị đơn thế chấp 02 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00984 ngày 25/10/2012 và số CH00525 ngày 18/7/2012 được UBND huyện M cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị P để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ (chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Kim T đã có ủy quyền để ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Ph được toàn quyền xử lý tài sản). Nếu các bị đơn không thanh toán nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ; Tiền lãi sẽ

được tiếp tục tính kể từ ngày 29/10/2019 cho đến khi ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Ph trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số LD1611900210, ngày 28/4/2016 là đúng theo thỏa thuận được ký kết giữa các bên không vi phạm pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc các bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định pháp luật. Cụ thể: 100.274.809 đồng x 5% = 5.014.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Ph liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền là 100.274.809 đồng (trong đó vốn trong hạn là 37.500.000 đồng, vốn quá hạn là 45.000.000 đồng, lãi trong hạn là 5.467.174 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 2.806.908 đồng đối với khoản vay; đối với thẻ tín dụng vốn gốc là 8.754.284 đồng, lãi là 746.443 đồng).

Thời hiệu thi hành là kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Ph không thanh toán nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 8, diện tích 949,5m^2, mục đích sử dụng: trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh B được UBND huyện M cấp số CH00984 ngày 25/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph; Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.635,5m^2, mục đích sử dụng: trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Ph, xã P, huyện M, tỉnh B được UBND huyện M cấp số CH00525 ngày 18/7/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1611900210, ngày 28/4/2016.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 29/10/2019 cho đến khi ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Phtrả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1611900210, ngày 28/4/2016.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Ph cùng liên đới nộp số tiền 5.014.000 đồng.

[3]. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.408.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (01b);
- Các đương sự (05b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (02b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đỉnh